

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1003/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2021

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Ông Nguyễn Thành Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3286/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thảo N, sinh năm 1988.

Thường trú: Số G, đường B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1988.

Quốc tịch: Việt Nam, Hoa Kỳ.

Địa chỉ: USA.

*Các đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Phạm Thảo N:

Bà và ông Phạm Ngọc T sinh năm 1988, tự nguyện kết hôn vào ngày 05 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ đăng ký kết hôn số 148. Sau khi kết hôn, ông Phạm Ngọc T sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Do xa cách địa lý và bất đồng về quan điểm nên bà và ông Phạm Ngọc T phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Phạm Ngọc T ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Phạm Thảo N khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thảo N khai không có.

Bị đơn là ông Phạm Ngọc T trình bày:

Tại bản tự khai của ông Phạm Ngọc T đã được chứng nhận tại T1 tại S, Hoa Kỳ ngày 26/3/2021 có nội dung: Ông Phạm Ngọc T xác nhận lời trình bày của bà Phạm Thảo N về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà N xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà N. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Ngọc T hiện cư trú tại H chúng quốc Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thảo N, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T vào sổ đăng ký kết hôn số 148 ngày 05 tháng 12 năm 2016 thì hôn nhân giữa bà N và ông Phạm Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu được ly hôn ông Phạm Ngọc T vì những mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, lại không có thời gian gần gũi nhau trong cuộc sống, cả hai bên cũng thừa nhận không thể giải quyết bất đồng và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì thời gian xa cách kéo dài, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt, mâu thuẫn phát sinh, hạnh phúc vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt và ông Phạm Ngọc T cũng đồng ý ly hôn với bà Phạm Thảo N.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà N và ông Phạm Ngọc T mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thảo N được ly hôn với ông Phạm Ngọc T.

Con chung: Bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T khai không có.

[3] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phạm Thảo N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Khoản 1 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thảo N.

Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thảo N được ly hôn ông Phạm Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 148 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 12 năm 2016 cho bà Phạm Thảo N và ông Phạm Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thảo N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0093520 ngày 21/01/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thảo N đã nộp đủ.

3. Bà Phạm Thảo N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Phạm Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận Tân Phú, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT (Linh/16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Trang**